

SỞ Y TẾ THANH HÓA
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1787/KSBT-KHN

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 12 năm 2020

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa

Tên cơ sở công bố: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.

Số Quyết định 1419/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 474 - Hải Thượng Lãn Ông – Phường Quảng Thắng - Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Ts. Lương Ngọc Trương

Điện thoại liên hệ: 0912.603.218 Email: truongln_sytth@yahoo.com.vn

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Bác sĩ Y học dự phòng, Y tế công cộng (*phụ lục 1*).
2. Trình độ đào tạo thực hành: Sau đại học, Đại học (*Phụ lục 1*).
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: 284 người (*Phụ lục 1*).
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (*Phụ lục 2*).
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành: (*Phụ lục 2*)
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (*Phụ lục 3*).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế Thanh Hóa xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lương Ngọc Trương

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THANH HÓA



PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Tại 1 thời điểm)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học	Nội dung	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	8720163	Sau ĐH	Y học dự phòng									
				Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	3	9	-	-	0	9
				Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	3	6	-	-	0	6
				Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	2	6	-	-	0	6
				Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	2	6	-	-	0	6



TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học	Nội dung	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường-Y tế trường học	3	8	-	-	0	8
2	8720701	Sau ĐH	YTCC									
				Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	Các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	3	9	-	-	0	9
				Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	2	6	-	-	0	6
				Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	2	6	-	-	0	6
				Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường-Y tế trường học	3	8	-	-	0	8
				Dịch tễ học các bệnh không lây nhiễm	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	2	4	-	-	0	4

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học	Nội dung	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	7720110	Đại học	Y học dự phòng									
				Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	11	22		-	0	22
				Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	5	10		-	0	10
				Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	5	10		-	0	10
				Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm	Xét nghiệm	9	18		-	0	18
				Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	6	12		-	0	12
				Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường-Y tế trường học	5	14		-	0	14

TỈNH
 NG T
 A SO
 VH T
 ★

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học	Nội dung	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	5	10		-	0	10
				Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng- Côn trùng	8	16		-	0	16
				Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	10	20				20
				HIV	Phòng, chống HIV/AIDS	Phòng, chống HIV/AIDS	8	16		-	0	16
4	7720701	Đại học	Y tế công cộng									
				Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	Các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	4	12		-	0	12
				Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	3	6		-	0	6
				Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	5	10		-	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học	Nội dung	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường-Y tế trường học	2	8		-	0	8
				Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	6	12		-	0	12
				Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	5	10		-	0	10
				Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm	Các bệnh không truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	5	10		-	0	10
Tổng cộng							127	284	0	0	0	284

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THANH HÓA



PHỤ LỤC 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RANG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế rang đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Trình độ sau đại học/ Chuyên ngành Y học dự phòng									
1	Lương Ngọc Trương	Tiến sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		Nội khoa, Ngoại khoa	25	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
2	Lê Hồng Sơn	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			13	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
3	Trịnh Duy Khang	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	27	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
4	Hoàng Hải Bằng	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			39	Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm	Các bệnh không truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
5	Lê Trí Tuệ	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			27	Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm	Các bệnh không truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
6	Trần Thị Thanh	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			14	Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm	Các bệnh không truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
7	Trần Đức Nội	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			34	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
8	Lê Văn Khiết	Bác sĩ CKII	Bác sĩ đa khoa			23	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	
9	Lê Mạnh Luân	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	26	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
10	Đinh Ngọc Quang	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	27	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
11	Nguyễn Danh Phương	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	24	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
12	Hoàng Tiến Ngọc	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	32	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
13	Nguyễn Thị Vân	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			11	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
II Trình độ sau đại học/ Chuyên ngành Y tế công cộng										
1	Lương Ngọc Trương	Tiến sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		Nội khoa, Ngoại khoa	25	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
2	Trịnh Duy Khang	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	27	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
3	Lê Thiên Phú	Ths YTCC	YTCC			13	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
4	Hoàng Hải Bằng	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			39	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
5	Lê Trí Tuệ	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			27	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
6	Trần Đức Nội	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			34	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Lê Văn Khiết	Bác sĩ CKII	Bác sĩ đa khoa			23	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	
8	Lê Mạnh Luân	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	26	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
9	Đinh Ngọc Quang	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	27	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
10	Nguyễn Danh Phương	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	24	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
11	Hoàng Tiến Ngọc	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	32	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
12	Nguyễn Thị Vân	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			11	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
III Trình độ đại học/Chuyên ngành Y học dự phòng										
1	Lương Ngọc Trương	Tiến sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		Nội khoa, Ngoại khoa	25	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
2	Lê Hồng Sơn	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			13	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
3	Lê Xuân Quang	Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP			4	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
4	Đỗ Ngọc Nhung	Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP			7	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
5	Đỗ Văn Long	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			13	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
6	Lê Thiên Phú	Ths YTCC	YTCC			13	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Nguyễn Thị Hải Yến	Bác sĩ	Bác sĩ YHDP			7	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
8	Trịnh Văn Điệp	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			13	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
9	Lê Công Nghĩa	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			19	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
10	Đinh Thị Hương	Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP			4	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
11	Trịnh Duy Khang	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	27	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
12	Hoàng Hải Bằng	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			39	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
13	Lê Trí Tuệ	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			27	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
14	Nguyễn Trọng Hải	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			34	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
15	Trần Thị Thanh	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			14	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
16	Lê Thị Hồng Liên	BS YHDP	Bác sĩ YHDP			4	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
17	Đinh Ngọc Quý	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			32	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm	XN-CĐHA-TDCN	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
18	Đào Thị Huyền	CN sinh học	CN sinh học			32	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm	XN-CĐHA-TDCN	
19	Vũ Minh Hoan	CN Xét nghiệm	KTV XN			16	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm	XN-CĐHA-TDCN	
20	Nguyễn Thanh Tú	Cử nhân công nghệ sinh học	CN sinh học			10	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm	XN-CĐHA-TDCN	
21	Phạm Thị Thảo	Kỹ sư sinh học	CN sinh học			12	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm	XN-CĐHA-TDCN	
22	Nguyễn Trường An	Kỹ sư hoá học	Kỹ sư hoá học			17	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm	XN-CĐHA-TDCN	
23	Nguyễn Phương Nam	CN sinh học	CN sinh học			14	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm	XN-CĐHA-TDCN	
24	Lê Phụng Đại	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	26	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm	XN-CĐHA-TDCN	
25	Tổng Thị Minh Thuyết	Thạc sĩ sinh học	CN sinh học			7	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm	XN-CĐHA-TDCN	
26	Lê Trường Sơn	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			32	HIV	Phòng, chống HIV/AIDS	Phòng, chống HIV/AIDS	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
27	Hoàng Bình Yên	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			19	HIV	Phòng, chống HIV/AIDS	Phòng, chống HIV/AIDS	
28	Nguyễn Xuân Tuyên	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			25	HIV	Phòng, chống HIV/AIDS	Phòng, chống HIV/AIDS	
29	Nguyễn Đăng Tùng	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			25	HIV	Phòng, chống HIV/AIDS	Phòng, chống HIV/AIDS	
30	Vũ Đình Nam	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			14	HIV	Phòng, chống HIV/AIDS	Phòng, chống HIV/AIDS	
31	Trần Văn Hiệp	Cử nhân YTCC	YTCC			7	HIV	Phòng, chống HIV/AIDS	Phòng, chống HIV/AIDS	
32	Bùi Xuân Khánh	Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP			4	HIV	Phòng, chống HIV/AIDS	Phòng, chống HIV/AIDS	
33	Trương Văn Tú	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			22	HIV	Phòng, chống HIV/AIDS	Phòng, chống HIV/AIDS	
34	Phạm Ngọc Trung	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			13	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
35	Nguyễn Thị Vân	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			11	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
36	Trương Thị Lan Anh	Bác sĩ	Bác sĩ YHDP			7	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
39	Nguyễn Danh Phương	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	24	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
40	Hoàng Tiến Ngọc	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	32	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
41	Trần Đức Nội	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			34	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	
42	Lê Văn Khiết	Bác sĩ CKII	Bác sĩ đa khoa			23	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
43	Vũ Thị Trang	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			10	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	
44	Nguyễn Thị Hằng Nga	Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP			8	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	
45	Lê Thị An	Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP			8	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	
46	Lê Mạnh Luân	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	26	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
47	Đinh Ngọc Quang	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	27	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
48	Cao Thị Thương	Bác sĩ	Bác sĩ YHDP			11	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
49	Mai Thị Hằng	Bác sĩ	Bác sĩ YHDP			6	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
50	Phạm Mai Anh	Bác sĩ	Bác sĩ YHDP			4	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
51	Lương Minh Châu	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			14	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
52	Lê Thị Nguyệt	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		Sản PK	33	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	
53	Lê Hồng Nga	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			22	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	
54	Nguyễn Thị Lan Anh	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		Sản PK	9	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	
55	Mai Thị Lan	Ths. YTCC	CN sinh học			18	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đặt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
56	Nguyễn Văn Thuần	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	34	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	
57	Lê Thị Nguyên	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		Sản PK	22	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	
58	Lê Quốc Tuấn	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		Sản PK	23	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	
59	Đặng Thị Giang	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		Sản PK, Siêu âm	8	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	
60	Lê Thị Lan	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			9	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	
61	Bùi Thị Vân	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		Ngoại Sản	4	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	Sức khỏe sinh sản	
62	Đỗ Thanh Tùng	Bác sĩ CKII	Bác sĩ đa khoa			40	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
63	Lê Bá Khánh	Bác sĩ CKII	Bác sĩ đa khoa			35	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
64	Lê Ngọc Lượng	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			34	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
65	Vũ Nhật Tân	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	13	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
66	Nguyễn Hữu An	CN sinh học	CN sinh học			37	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
67	Nguyễn Thị Hồng	CN sinh học	CN sinh học			14	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
68	Đỗ Văn An	CN Kỹ thuật y	KTV XN			13	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
69	Bùi Thị Hằng	CN sinh học	CN sinh học			14	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
70	Lê Hoài Văn	CN Báo chí	CN Báo chí			25	Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	
71	Lê Thị Huyền	Cử nhân BT XB	Cử nhân BT XB			18	Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	
72	Lê Thị Xuân	Cử nhân Văn hoá	Cử nhân Văn hoá			15	Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	
73	Hoàng Thị Yến	CN Lịch sử	CN Lịch sử			12	Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	
74	Nguyễn Thị Thanh Xuân	CN Triết học	CN Triết học			15	Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	
IV Trình độ đại học/Chuyên ngành Y tế công cộng										
1	Lương Ngọc Trương	Tiến sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		Nội khoa, Ngoại khoa	25	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
2	Trịnh Duy Khang	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	27	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
3	Lê Công Nghĩa	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			19	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
4	Đinh Thị Hường	Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP			4	Dịch tễ học	Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	
5	Hoàng Hải Bằng	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			39	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Lê Trí Tuệ	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			27	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
7	Nguyễn Trọng Hải	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			34	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
8	Trần Thị Thanh	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			14	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
9	Lê Thị Hồng Liên	Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP			4	Dịch tễ học các bệnh KLN	Các bệnh không lây nhiễm	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
10	Đỗ Thanh Tùng	Bác sĩ CKII	Bác sĩ đa khoa			40	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
11	Lê Bá Khánh	Bác sĩ CKII	Bác sĩ đa khoa			35	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
12	Lê Ngọc Lượng	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa			34	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
13	Vũ Nhật Tân	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	13	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
14	Nguyễn Hữu An	CN sinh học	CN sinh học			37	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
15	Nguyễn Thị Hồng	CN sinh học	CN sinh học			14	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh do ký sinh trùng, côn trùng gây ra	Ký sinh trùng-Côn trùng	
16	Nguyễn Thị Hằng Nga	Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP			8	Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đặt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
17	Vũ Thị Trang	Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa			10	Dinh dưỡng và an toàn vệ	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	
18	Lê Thị An	Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP			8	Dinh dưỡng và an toàn vệ	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	
19	Nguyễn Danh Phương	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	24	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
20	Hoàng Tiến Ngọc	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	32	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học	
21	Lê Mạnh Luân	Thạc sĩ, Bác sĩ	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	26	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
22	Đình Ngọc Quang	Bác sĩ CKI	Bác sĩ đa khoa		KCB Nội khoa	27	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
23	Cao Thị Thương	Bác sĩ	Bác sĩ YHDP			11	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
24	Mai Thị Hằng	Bác sĩ	Bác sĩ YHDP			6	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
25	Phạm Mai Anh	Bác sĩ	Bác sĩ YHDP			4	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp	Bệnh nghề nghiệp	
26	Lê Hoài Văn	CN Báo chí	CN Báo chí			25	Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	
27	Lê Thị Huyền	Cử nhân BT XB	Cử nhân BT XB			18	Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	
28	Lê Thị Xuân	Cử nhân Văn hoá	Cử nhân Văn hoá			15	Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	
29	Hoàng Thị Yến	CN Lịch sử	CN Lịch sử			12	Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	
30	Nguyễn Thị Thanh Xuân	CN Triết học	CN Triết học			15	Giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	

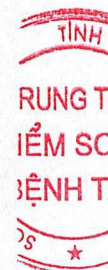
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THANH HÓA

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Dành cho đào tạo Đại học

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị sử dụng chung cho thực hành		
1	Hội trường	3	
2	Phòng học lý thuyết	4	
3	Bàn ghế cho giảng viên và sinh viên	125	
4	Máy chiếu	4	
5	Màn chiếu	4	
6	Loa đài	4	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị theo từng môn học		
	<i>Dịch tễ học</i>		
7	Bình phun tay inox	2 (MR8)	Phòng, chống dịch bệnh
8	Máy phun hóa chất	3	(03 máy Stihl) Phòng, chống dịch bệnh
9	Kho hóa chất	1 (Đang sử dụng chung với kho XN)	Phòng, chống dịch bệnh
	<i>Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm</i>		
10	Thước đo chiều cao	4	Dinh dưỡng
11	Cân kiểm tra sức khỏe	4	Dinh dưỡng
12	Bàn đôi thí nghiệm trung tâm	2	Xét nghiệm
13	Bàn đơn thí nghiệm giáp tường	6	Xét nghiệm
14	Bàn thí nghiệm mặt chống hóa chất	9	Xét nghiệm
15	Bể nhuộm tể bào	1	Xét nghiệm
16	Bếp cách thủy	2	Xét nghiệm

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
17	Bộ chiết lipid tự động	1	Xét nghiệm
18	Bộ chiết suất chất béo	1	Xét nghiệm
19	Bộ hóa hơi chuyên dụng	1	Xét nghiệm
20	Bộ kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm	0	Xét nghiệm
21	Bộ lọc vi khuẩn	1	Xét nghiệm
22	Bộ nhiệt kế chuẩn	1	Xét nghiệm
23	Bộ quả cân F1	1	Xét nghiệm
24	Cân điện tử	4	Xét nghiệm
25	Cân kỹ thuật	2	Xét nghiệm
26	Cân phân tích	1	Xét nghiệm
27	Cân sấy ẩm	0	Xét nghiệm
28	Dàn Elisa	2	Xét nghiệm
29	Hệ thống cấp khí sạch tích hợp màng lọc HEPA	0	Xét nghiệm
30	Kính hiển vi	10	Xét nghiệm
31	Lò nung	1	Xét nghiệm
32	Máy cất nước 2 lần	2	Xét nghiệm
33	Máy cất quay dung môi, chân không	1	Xét nghiệm
34	Máy đập mẫu vi sinh	1	Xét nghiệm
35	Máy Deion nước	1	Xét nghiệm
36	Máy đếm lạc khuẩn điện tử	1	Xét nghiệm
37	Máy định danh vi khuẩn	0	Xét nghiệm
38	Máy đo clo dư	1	Xét nghiệm
39	Máy đo độ đục và độ màu	1	Xét nghiệm
40	Máy đo độ nhớt	1	Xét nghiệm
41	Máy đo pH	2	Xét nghiệm
42	Máy hút chân không	2	Xét nghiệm
43	Máy hút mùi	0	Xét nghiệm
44	Máy khuấy từ	2	Xét nghiệm
45	Máy lắc	1	Xét nghiệm
46	Máy ly tâm	4	Xét nghiệm
47	Máy nghiền mẫu	2	Xét nghiệm

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
48	Máy phá mẫu vi sóng	1	Xét nghiệm
49	Máy phân tích nước	1	Xét nghiệm
50	Máy phân tích nước tiểu	1	Xét nghiệm
51	Máy quang phổ	1	Xét nghiệm
52	Máy sắc ký khí - khối phổ GC/MS	1	Xét nghiệm
53	Máy sắc ký lỏng	1	Xét nghiệm
54	Máy trộn mẫu	1	Xét nghiệm
55	Máy xay mẫu khô	1	Xét nghiệm
56	Nồi cất cồn	1	Xét nghiệm
57	Nồi cất đạm	1	Xét nghiệm
58	Nồi hấp tiệt trùng	2	Xét nghiệm
59	Pipetman 8 kênh	2	Xét nghiệm
60	Thiết bị cấp cứu rửa mắt	2	Xét nghiệm
61	Tủ âm	3	Xét nghiệm
62	Tủ an toàn sinh học	3	Xét nghiệm
63	Tủ bảo quản trang thiết bị	0	Xét nghiệm
64	Tủ cấy vô trùng	0	Xét nghiệm
65	Tủ hút hơi khí độc	1	Xét nghiệm
66	Tủ nuôi cấy vi sinh vật	0	Xét nghiệm
67	Tủ sấy	3	Xét nghiệm
Sức khỏe nghề nghiệp			
68	Máy đo ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió	1	Quan trắc môi trường
69	Máy đo bức xạ nhiệt	1	Quan trắc môi trường
70	Máy đo bụi hiện số	0	Quan trắc môi trường
71	Máy đo chức năng hô hấp	1	Quan trắc môi trường
72	Máy đo độ ẩm	0	Quan trắc môi trường
73	Máy đo độ ồn	2	Quan trắc môi trường (1 đo độ ồn chung, 1 đo độ ồn dải tần)
74	Máy đo độ rung	1	Quan trắc môi trường
75	Máy đo huyết áp chuyên nghiệp	20	Khám bệnh nghề nghiệp(HA cơ + ống nghe)
76	Máy đo khí CO2	1	Quan trắc môi trường



STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
77	Máy đo khí độc	0	Quan trắc môi trường
78	Đèn đo liều sinh vật	0	Khám bệnh nghề nghiệp
79	Máy đo pH và nhiệt độ cho da	0	Khám bệnh nghề nghiệp
80	Máy đo phóng xạ	1	Quan trắc môi trường
81	Máy đo tần số môi trường	0	Quan trắc môi trường
82	Máy đo thính lực	1	Khám bệnh nghề nghiệp
83	Máy đo tốc độ gió, lưu lượng gió	0	Quan trắc môi trường
84	Máy đo từ trường	1	Quan trắc môi trường
85	Máy xét nghiệm huyết học	0	Khám bệnh nghề nghiệp
86	Máy xét nghiệm nước tiểu	0	Khám bệnh nghề nghiệp
87	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	0	Khám bệnh nghề nghiệp
88	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	0	Khám bệnh nghề nghiệp
89	Máy điện tim 6 cần	1	Khám bệnh nghề nghiệp
90	Máy đo lực kế bóp tay	2	Quan trắc môi trường
	Giáo dục sức khỏe		
91	Bộ ghi đĩa chuyên dụng	1	Sản xuất tài liệu truyền thông
92	Bộ trộn hình	0	Sản xuất tài liệu truyền thông
93	Hệ thống dựng hình phi tuyến	1	Sản xuất tài liệu truyền thông
94	Máy ảnh	2	Sản xuất tài liệu truyền thông
95	Máy quay phim	2	Sản xuất tài liệu truyền thông
96	Phòng thu	0	Sản xuất tài liệu truyền thông
	Giáo dục sức khỏe		
97	Buồng đếm tinh trùng		Khám sức khỏe sinh sản
98	Đầu dò âm đạo		Khám sức khỏe sinh sản
99	Đầu dò Linear UST-5413		Khám sức khỏe sinh sản
100	Đèn tử ngoại diệt trùng		Khám sức khỏe sinh sản
101	Máy áp nhiệt cổ tử cung		Khám sức khỏe sinh sản
102	Máy đếm bạch phân 9 nút		Khám sức khỏe sinh sản
103	Máy nghe tim thai		Khám sức khỏe sinh sản
104	Máy soi cổ tử cung		Khám sức khỏe sinh sản
105	Thiết bị áp lạnh cổ tử cung		Khám sức khỏe sinh sản

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
	Ký sinh trùng		
106	Bộ thử tồn lưu	4	Điều tra côn trùng
107	Bình phun tay inox	3	Phun hóa chất dịch vụ
108	Máy phun hóa chất	3	Phun hóa chất dịch vụ
109	Kính hiển vi	6	Xét nghiệm KST đường ruột
110	Bẫy đèn	4	Điều tra côn trùng
	HIV		
111	Bộ trang thiết bị truyền thông		Truyền thông phòng, chống HIV/AIDS
112	Phòng điều trị ARV		Điều trị HIV/AIDS
113	Phòng điều trị Methadone		Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THANH HÓA



PHỤ LỤC 3
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Dành cho đào tạo sau Đại học

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị sử dụng chung cho thực hành		
1	Phòng học lý thuyết	2	
2	Hội trường lớn	1	
3	Bàn ghế cho giảng viên và sinh viên	125	
4	Máy chiếu	2	
5	Màn chiếu	2	
6	Loa đài	2	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị theo từng môn học		
	<i>Dịch tễ học</i>		
7	Bình phun tay inox	1 (MR8)	Phòng, chống dịch bệnh
8	Máy phun hóa chất	2	02 máy Fontan Phòng, chống dịch bệnh
9	Kho hóa chất	1 (Đang sử dụng chung với kho XN)	Phòng, chống dịch bệnh
	<i>Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm</i>		
10	Máy siêu âm đo độ loãng xương	1	Dinh dưỡng
11	Thước đo chiều cao	2	Dinh dưỡng
12	Cân kiểm tra sức khỏe	2	Dinh dưỡng
13	Máy đo mật độ xương	1	Dinh dưỡng
14	Bàn đôi thí nghiệm trung tâm	2	Xét nghiệm
15	Bàn đơn thí nghiệm giáp tường	5	Xét nghiệm
16	Bàn thí nghiệm mặt chống hóa chất	13	Xét nghiệm
17	Bể nhuộm tế bào	1	Xét nghiệm



STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
18	Bếp cách thủy	1	Xét nghiệm
19	Bộ chiết lipid tự động	1	Xét nghiệm
20	Bộ chiết suất chất béo	1	Xét nghiệm
21	Bộ hóa hơi chuyên dụng	1	Xét nghiệm
22	Bộ kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm	0	Xét nghiệm
23	Bộ lọc vi khuẩn	1	Xét nghiệm
24	Bộ nhiệt kế chuẩn	1	Xét nghiệm
25	Bộ quả cân F1	1	Xét nghiệm
26	Cân điện tử	2	Xét nghiệm
27	Cân kỹ thuật	2	Xét nghiệm
28	Cân phân tích	1	Xét nghiệm
29	Cân sấy ẩm	0	Xét nghiệm
30	Dàn Elisa	1	Xét nghiệm
31	Hệ thống cấp khí sạch tích hợp màng lọc HEPA	0	Xét nghiệm
32	Kính hiển vi	5	Xét nghiệm
33	Lò nung	1	Xét nghiệm
34	Máy cất nước 2 lần	2	Xét nghiệm
35	Máy cất quay dung môi, chân không	1	Xét nghiệm
36	Máy đập mẫu vi sinh	1	Xét nghiệm
37	Máy Deion nước	1	Xét nghiệm
38	Máy đếm lạc khuẩn điện tử	1	Xét nghiệm
39	Máy định danh vi khuẩn	0	Xét nghiệm
40	Máy đo clo dư	1	Xét nghiệm
41	Máy đo độ đục và độ màu	1	Xét nghiệm
42	Máy đo độ nhớt	1	Xét nghiệm
43	Máy đo pH	1	Xét nghiệm
44	Máy hút chân không	1	Xét nghiệm
45	Máy hút mùi	0	Xét nghiệm
46	Máy khuấy từ	1	Xét nghiệm
47	Máy lắc	1	Xét nghiệm
48	Máy ly tâm	2	Xét nghiệm

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
49	Máy nghiền mẫu	1	Xét nghiệm
50	Máy phá mẫu vi sóng	1	Xét nghiệm
51	Máy phân tích nước	1	Xét nghiệm
52	Máy phân tích nước tiểu	1	Xét nghiệm
53	Máy quang phổ	1	Xét nghiệm
54	Máy sắc ký khí - khối phổ GC/MS	1	Xét nghiệm
55	Máy sắc ký lỏng	1	Xét nghiệm
56	Máy trộn mẫu	1	Xét nghiệm
57	Máy xay mẫu khô	1	Xét nghiệm
58	Nồi cất cồn	1	Xét nghiệm
59	Nồi cất đạm	1	Xét nghiệm
60	Nồi hấp tiệt trùng	1	Xét nghiệm
61	Pipetman 8 kênh	1	Xét nghiệm
62	Thiết bị cấp cứu rửa mắt	2	Xét nghiệm
63	Tủ âm	2	Xét nghiệm
64	Tủ an toàn sinh học	3	Xét nghiệm
65	Tủ bảo quản trang thiết bị	0	Xét nghiệm
66	Tủ cấy vô trùng	0	Xét nghiệm
67	Tủ hút hơi khí độc	1	Xét nghiệm
68	Tủ nuôi cấy vi sinh vật	0	Xét nghiệm
69	Tủ sấy	1	Xét nghiệm
Sức khỏe nghề nghiệp			
70	Máy đo ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió	1	Quan trắc môi trường
71	Máy đo bức xạ nhiệt	1	Quan trắc môi trường
72	Máy đo bụi hiện số	0	Quan trắc môi trường
73	Máy đo chức năng hô hấp	1	Quan trắc môi trường
74	Máy đo độ ẩm	0	Quan trắc môi trường
75	Máy đo độ ồn	2	Quan trắc môi trường (1 đo độ ồn chung, 1 đo độ ồn dải tần)
76	Máy đo độ rung	1	Quan trắc môi trường
77	Máy đo huyết áp chuyên nghiệp	10	Khám bệnh nghề nghiệp(HA cơ + ống nghe)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
78	Máy đo khí CO2	1	Quan trắc môi trường
79	Máy đo khí độc	0	Quan trắc môi trường
80	Đèn đo liều sinh vật	0	Khám bệnh nghề nghiệp
81	Máy đo pH và nhiệt độ cho da	0	Khám bệnh nghề nghiệp
82	Máy đo phóng xạ	1	Quan trắc môi trường
83	Máy đo tần số môi trường	0	Quan trắc môi trường
84	Máy đo thính lực	1	Khám bệnh nghề nghiệp
85	Máy đo tốc độ gió, lưu lượng gió	0	Quan trắc môi trường
86	Máy đo từ trường	1	Quan trắc môi trường
87	Máy xét nghiệm huyết học	0	Khám bệnh nghề nghiệp
88	Máy xét nghiệm nước tiểu	0	Khám bệnh nghề nghiệp
89	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	0	Khám bệnh nghề nghiệp
90	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	0	Khám bệnh nghề nghiệp
91	Máy điện tim 6 cần	1	Khám bệnh nghề nghiệp
92	Máy đo lực kế bóp tay	2	Quan trắc môi trường